

Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2024/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

- Chị Tổng Thị Thu N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 03, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L.

- Anh Lê Văn L1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 03, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Tổng Thị Thu N và anh Lê Văn L1 trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Tổng Thị Thu N và anh Lê Văn L1 là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2012, quyển số 01/2012, ngày 09/3/2012 của UBND phường Đoàn K, thị xã L nay là thành phố L, tỉnh L. Đến nay chị N và anh L1 đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Tổng Thị Thu N và anh Lê Văn L1 đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị Thu N và anh Lê Văn L1.

- Về việc nuôi con: chị Tống Thị Thu N và anh Lê Văn L1 có 02 con chung là cháu Lê Tuệ M, sinh ngày 02/11/2012 và cháu Lê Minh K, sinh ngày 21/11/2017. Chị N và anh L1 thỏa thuận như sau:

Chị Tống Thị Thu N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Tuệ M và cháu Lê Minh K cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Tống Thị Thu N và anh Lê Văn L1 thỏa thuận anh L1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 25/6/2024 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh L1 chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Lê Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Tống Thị Thu N và anh Lê Văn L1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Tống Thị Thu N và anh Lê Văn L1 thỏa thuận chị N là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Tống Thị Thu N đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000209 ngày 28/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường Đoàn K, TP L, tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Tòng Thị Tuyết**